

Phụ lục số 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

(Tên Cơ sở CNNT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm ...

**PHIẾU ĐĂNG KÝ THAM GIA
BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU**

cấp Huyện cấp Tỉnh cấp Khu vực cấp Quốc gia

Kính gửi: Hội đồng bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu

1. Tên cơ sở công nghiệp nông thôn

Tên viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa có dấu):

Tên viết tắt (nếu có): Mã số (nếu có):

Địa chỉ trụ sở chính:

Họ và tên người đại diện theo pháp luật:

Chức danh:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Cơ sở công nghiệp nông thôn thuộc trong các loại hình sau:

- | | | |
|--|---|---|
| <input type="checkbox"/> Công ty cổ phần | <input type="checkbox"/> Doanh nghiệp tư nhân | <input type="checkbox"/> Trung tâm |
| <input type="checkbox"/> Công ty TNHH | <input type="checkbox"/> Hợp tác xã | <input type="checkbox"/> Cơ sở sản xuất |
| <input type="checkbox"/> Hộ kinh doanh | <input type="checkbox"/> Khác (ghi rõ loại hình): | |

Tài khoản số: Chủ tài khoản:

Mở tại ngân hàng: Chi nhánh:

2. Thông tin về chi nhánh (nếu có)

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh:

3. Thông tin về địa điểm sản xuất

Tên địa điểm sản xuất: (nếu nằm ngoài trụ sở chính và chi nhánh).....

Địa chỉ địa điểm sản xuất:

Các văn bản, giấy tờ liên quan đến địa điểm sản xuất:

4. Ngành, nghề kinh doanh chính

Số đăng ký kinh doanh, Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Hộ kinh doanh:.....

Ngày cấp, nơi cấp:.....

Các ngành, nghề kinh doanh chính

STT	Tên ngành	Mã ngành

5. Quy mô vốn, tài sản và lao động

Vốn đăng ký kinh doanh (bằng số; VND):

Vốn điều lệ (bằng số; VND):

Vốn pháp định (đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định; bằng số; VND):.....

.....

Tổng tài sản theo bảng cân đối kế toán thời gian gần nhất:

Tổng số lao động hiện đang sử dụng:

Trong đó: Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội:

Thu nhập bình quân lao động (bằng số VND/người):.....

6. Tình hình chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước

Các giải thưởng: Huân huy chương, Bằng khen, Giấy khen, giấy chứng nhận đã đạt được:.....

- Đáp ứng đầy đủ các điều kiện về sản xuất, kinh doanh theo luật định;
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế và các nghĩa vụ khác theo luật định;
- Tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường; đảm bảo các quyền lợi đối với người lao động;
- Khác (ghi chi tiết):.....

Sau khi tìm hiểu về Chương trình bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, chúng tôi tự nguyện đăng ký sản phẩm tham gia bình chọn như sau:

7. Tên sản phẩm hoặc bộ sản phẩm:

.....

Sản phẩm đăng ký bình chọn thuộc một trong các nhóm sản phẩm sau:

- Thủ công mỹ nghệ Chế biến nông, lâm, thủy sản và thực phẩm
- Thiết bị, máy móc, dụng cụ và phụ tùng cơ khí Khác (ghi rõ nhóm sản phẩm):...

Chúng tôi cam kết là chủ sở hữu hợp pháp của sản phẩm, bộ sản phẩm nêu trên; sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn không vi phạm quy định về quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu công nghiệp và các quy định khác liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng, an toàn lao động, vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường; thực hiện đầy đủ quy định của Hội đồng bình chọn; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác đối với các tài liệu, thông tin được cung cấp, kê khai trong hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu./

Đại diện
Cơ sở công nghiệp nông thôn
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

Phụ lục số 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14 /2018/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

(Tên Cơ sở CNNT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

THUYẾT MINH, MÔ TẢ GIỚI THIỆU SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ
BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU

Tên cơ sở công nghiệp nông thôn:

Địa chỉ:

Người đại diện:.....; Chức vụ:.....

Điện thoại:.....; Email:.....

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên sản phẩm:

Sản phẩm đăng ký bình chọn thuộc một trong các nhóm sau:

Thủ công mỹ nghệ Chế biến nông, lâm, thủy sản và thực phẩm

Thiết bị, máy móc, dụng cụ và phụ tùng cơ khí Khác (ghi rõ nhóm sản phẩm):...

Kích cỡ (dài, rộng, cao):

Trọng lượng sản phẩm (kg):

Ký hiệu sản phẩm (nếu có):

Tính năng, công dụng chính của sản phẩm:

II. NỘI DUNG THÔNG TIN CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN SẢN PHẨM

Tùy vào từng loại sản phẩm, thực tế sản xuất kinh doanh của cơ sở công nghiệp nông thôn, nêu tóm tắt một số nội dung sau:

1. Quy mô sản xuất, kinh doanh và thị trường tiêu thụ**1.1. Quy mô sản xuất và kinh doanh:**

Số lượng sản phẩm sản xuất/năm:.....

Năm trước năm bình chọn..... Năm tham gia bình chọn:.....

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình chọn:.....

Trong đó: Số lượng sản phẩm xuất khẩu/năm:.....

Năm trước năm bình chọn..... Năm tham gia bình chọn:.....

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình chọn:.....

Doanh thu của sản phẩm/năm:.....

Năm trước năm bình chọn..... Năm tham gia bình chọn:.....
 Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình chọn:.....
 Trong đó: Doanh thu của sản phẩm xuất khẩu/năm (nếu có):.....
 Năm trước năm bình chọn..... Năm tham gia bình chọn:.....
 Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình chọn:.....
 Nộp ngân sách nhà nước (năm trước và dự kiến năm hiện tại):.....
 Nguyên vật liệu chính sử dụng sản xuất sản phẩm:.....
 Tỷ lệ nguyên vật liệu chính sử dụng trong nước.....%.
 Tỷ lệ nguyên vật liệu chính sử dụng nhập khẩu.....%.
 Đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh sản phẩm:

- Đáp ứng được nhu cầu, thị hiếu của thị trường và người tiêu dùng
- Có khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu
- Có khả năng sản xuất với số lượng lớn
- Khả năng tham gia chuỗi liên kết giá trị sản phẩm
- Khả năng nhân rộng sản xuất và thúc đẩy phát triển các ngành khác
- Đánh giá khác (*ghi chi tiết*):...

Tóm tắt quy trình, công nghệ sản xuất sản phẩm:.....

Đánh giá trình độ công nghệ, thiết bị đang sản xuất sản phẩm.

- Công nghệ, thiết bị hiện đại; có khả năng tự động hóa trong sản xuất sản phẩm
- Công nghệ, thiết bị sản xuất sản phẩm đồng bộ, phù hợp với năng lực sản xuất của doanh nghiệp
- Công nghệ, thiết bị ít tiêu hao năng lượng, nhiên liệu khi vận hành sản xuất
- Công nghệ, thiết bị sản xuất giảm thiểu gây hại môi trường
- Đánh giá khác (*ghi chi tiết*):.....

2.2. Về thị trường tiêu thụ:

Thị trường tiêu thụ sản phẩm:

Tỷ lệ sản phẩm tiêu thụ tại thị trường trong nước.....%.

Tỷ lệ sản phẩm tiêu thụ tại thị trường ngoài nước.....%.

Đánh giá tiềm năng, mức độ đáp ứng nhu cầu thị trường:

.....
.....
.....
Đánh giá khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu (nếu có):
.....
.....

2. Bảo vệ môi trường

Nêu tóm tắt tác động môi trường và việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất sản phẩm
.....
.....

3. Tính văn hóa, tính thẩm mỹ của sản phẩm

Đánh giá mức độ thể hiện tính đặc thù văn hóa dân tộc:
Tính kế thừa, hoàn thiện và phát-huy các giá trị văn hóa của sản phẩm:
Sản phẩm có thiết kế mới, độc đáo; hình thức, mẫu mã, bao bì đẹp:

4. Một số nội dung khác

Các chứng nhận liên quan: Quy định đối với các cơ sở công nghiệp nông thôn thuộc nhóm ngành sản xuất có điều kiện theo quy định pháp luật; (ví dụ: Giấy phép sản xuất; Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm,...).

Các chứng nhận về chất lượng sản phẩm đã được công nhận:

.....
.....
.....
Các giải thưởng, bằng khen, giấy chứng nhận, ... đã đạt được:

.....
.....
.....
Tình hình thực hiện các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước:

Tham gia các hoạt động công ích xã hội:

Đánh giá các tác động xã hội khác (nếu có):

III. TỰ NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ THAM GIA BÌNH CHỌN

.....
.....
.....

Đại diện
Cơ sở công nghiệp nông thôn
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

Phụ lục số 5

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Công Thương)

Tên Cơ quan, đơn vị:

**DANH SÁCH TRÍCH NGANG
SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ THAM GIA BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG
NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU CẤP.....**

TT	Tên sản phẩm	Cơ sở công nghiệp nông thôn	Địa chỉ	Ghi chú

....., ngày..... tháng..... năm....

Thủ trưởng cơ quan/đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục số 6

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Công Thương)

QUY ĐỊNH VỀ GIẤY CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU

I. QUY ĐỊNH CHUNG CỦA MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU

1. Hình thức: xung quanh trang trí hoa văn, chính giữa phía trên, dưới Quốc hiệu là biểu trưng (logo) của Chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu.

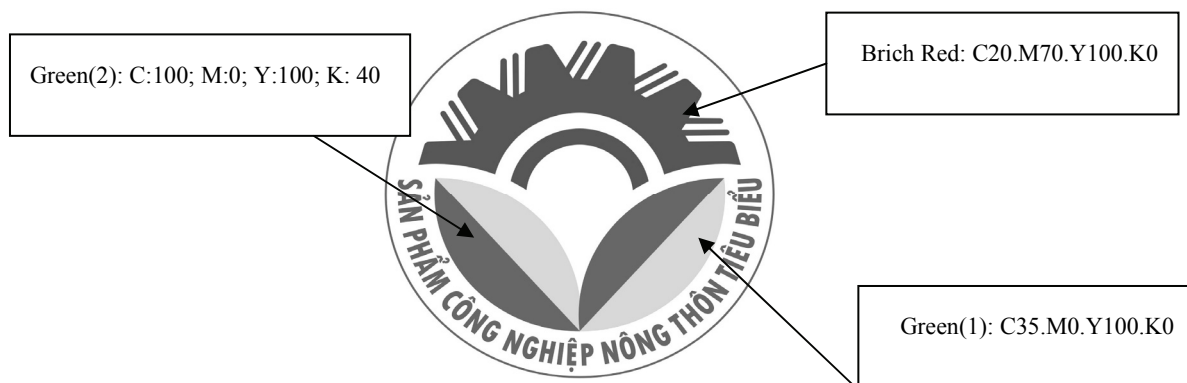
Logo của Chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu bao gồm: hình ảnh của bánh răng công nghiệp (màu nâu đỏ) được cách điệu như một bông hoa trên nền đan xen của những chiếc lá (màu xanh), tổng thể được đặt trong một hình tròn. Xung quanh nửa dưới hình tròn có hàng chữ “**SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU**” (màu xanh).

Mã màu:

Green(1): C35.M0.Y100.K0;

Green(2): C100.M0.Y: 100.K: 40

Brich Red: C20.M70.Y100.K0



2. Nội dung: dòng thứ nhất, thứ hai: Quốc hiệu “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Độc lập - Tự do - Hạnh phúc”; dòng thứ 3 chức danh người ký (chữ in hoa, màu đỏ); dòng thứ 4 tên đơn vị ký chứng nhận (chữ in hoa, màu đen); dòng thứ 5 “CHỨNG NHẬN” (chữ in hoa, màu đỏ); dòng thứ 6: SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU BIỂU; dòng thứ 7: CẤP...- NĂM 20... (chữ in hoa, màu đỏ); dòng thứ 8: TÊN SẢN PHẨM: ghi tên sản phẩm; dòng thứ 9: ĐƠN VỊ SẢN XUẤT: ghi tên đơn vị sản xuất sản phẩm; dòng thứ 10: ĐỊA CHỈ: ghi địa chỉ của đơn vị sản xuất sản phẩm. Phía dưới bên phải các nội dung: địa danh, ngày... tháng... năm...; chức danh người ký và khoảng trống 30 mm để ký tên đóng dấu.

Phía dưới bên trái:

- Số quyết định... ngày... tháng... năm...

- Có giá trị đến ngày 31 tháng 12 năm 20...


3. Giấy in: Giấy chứng nhận in trên giấy trắng định lượng 150 gram/m²;

Chứng nhận các cấp sử dụng chung khổ giấy A4, kích thước dài 297mm, rộng 210mm, đường trang trí hoa văn dài 287mm, rộng 200mm (sử dụng chiều đứng trang in).

II. MẪU CỤ THỂ

1. Mẫu số 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CHỦ TỊCH
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

CHỨNG NHẬN
SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU
CẤP HUYỆN - NĂM 20.....

TÊN SẢN PHẨM:

ĐƠN VỊ SẢN XUẤT:

ĐỊA CHỈ:


....., ngày.....tháng.....năm 20.....

CHỦ TỊCH
(Ký tên và đóng dấu)

Theo Quyết định số:/QĐ-UBND, ngày/...../.....
Có giá trị đến hết ngày 31 tháng 12 năm 20.....

2. Mẫu số 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CHỦ TỊCH
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

CHỨNG NHẬN
SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU
CẤP TỈNH - NĂM 20.....

TÊN SẢN PHẨM:

ĐƠN VỊ SẢN XUẤT:

ĐỊA CHỈ:


....., ngày.....tháng.....năm 20.....

CHỦ TỊCH
(Ký tên và đóng dấu)

Theo Quyết định số:/QĐ-UBND, ngày/...../.....
Có giá trị đến hết ngày 31 tháng 12 năm 20.....

3. Mẫu số 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CỤC TRƯỞNG
CỤC CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG

CHỨNG NHẬN

SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU
CẤP KHU VỰC - NĂM 20.....

TÊN SẢN PHẨM:

ĐƠN VỊ SẢN XUẤT:

ĐỊA CHỈ:


....., ngày.....tháng.....năm 20.....

CỤC TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)

Theo Quyết định số:/QĐ-CNĐP, ngày/...../.....
Có giá trị đến hết ngày 31 tháng 12 năm 20....

4. Mẫu số 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BỘ TRƯỞNG
BỘ CÔNG THƯƠNG

CHỨNG NHẬN
SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU
CẤP QUỐC GIA - NĂM 20.....

TÊN SẢN PHẨM:

ĐƠN VỊ SẢN XUẤT:

ĐỊA CHỈ:

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

BỘ TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)

Theo Quyết định số:/QĐ-BCT, ngày/...../.....
Có giá trị đến hết ngày 31 tháng 12 năm 20.....